| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRỰC NINH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **72/**2022/HSST
Ngày: 20/9/2022

**N H Â N  D A N H**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH - TỈNH NAM ĐỊNH**
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Mai Xuân Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân* :

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Ông Cao Trung Kiên.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Cán bộ TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

*Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/HSST-QĐ ngày 08/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị C**, Tên gọi khác: Cúc; Sinh năm: 1977; Nơi sinh: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Bùi Văn C, sinh năm: 1955; Họ và tên mẹ: Vũ Thị H, sinh năm: 1955; Gia đình có 3 chị em, C là con thứ nhất; Chồng: Vũ Văn H, Sinh năm: 1972; Có 01 con sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

* Ngày 11/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 03/2022/HS-ST ngày 11/01/2022.

Bị cáo Bùi Thị C hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại**

- Chị Hà Thị N, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)
- Anh Chung Văn D, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- Bà Triệu Thị Tú L, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- Ông Nguyễn Đình L1, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. (có mặt)

2.3.Người làm chứng:

- Bà Phan Thị H, sinh năm 1958. (có mặt)

Trú tại: Số nhà 103 T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Anh Đặng Văn T, sinh năm 1978. (có mặt)

Trú tại: Xóm R, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cửa hàng Gas HĐ, địa chỉ tại số 103 T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định do bà Phan Thị H làm chủ là đại lý cấp 1 của Công ty TNHH TM Phúc Thái có trụ sở tại cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để bán Gas của Công ty cho các cửa hàng Gas (đại lý cấp 2) trên địa bàn tỉnh Nam Định. Từ năm 2004, bà H thuê Bùi Thị C (tên gọi khác Cúc) sinh năm 1977 ở xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định làm nhân viên phụ trách giao dịch mua bán giữa cửa hàng Gas HĐ với các cửa hàng đại lý cấp 2 ở các huyện Nam Trực, Trực Ninh, Giao Thuỷ, Hải Hậu, Xuân Trường. Các cửa hàng Gas khi có nhu cầu mua Gas thì sẽ liên hệ với C để đặt số lượng. Hàng ngày, C đến cửa hàng Gas HĐ nhận Gas và đi cùng lái xe là anh Đặng Văn T sinh năm 1978 ở xóm R, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định xuống giao cho các đại lý cấp 2 rồi thu tiền về bàn giao lại cho bà H. Đến khoảng đầu tháng 11/2020, C đầu tư kinh doanh bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ. Lợi dụng việc các cửa hàng đại lý cấp 2 thường xuyên đặt tiền trước với cửa hàng HĐ thông qua C để đặt mua số lượng gas lớn và sẽ lấy dần để bán. C nảy sinh ý định nói dối là có nguồn nhập Gas giá rẻ và báo giá rẻ hơn so với giá thực tế của cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, để các chủ cửa hàng đại lý cấp 2 tin là thật và đặt tiền trước cho C nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Để che dấu hành vi của mình nhằm lừa được nhiều lần và nhiều đại lý, C vẫn giao Gas theo số lượng các cửa hàng đã đặt cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ trước đó (tiền đặt cọc C đã nộp về cửa hàng). Đối với số lượng bình Gas các đại lý cấp 2 đã đưa tiền đặt cọc giá rẻ theo thông tin gian dối, khi đại lý cấp 2 báo số lượng bình cần lấy thì C vẫn mua Gas của cửa hàng HĐ để giao. Đến ngày 26/6/2021 hành vi của C bị phát hiện nên bà H đã cho C nghỉ việc.

Căn cứ tài liệu điều tra đủ cơ sở kết luận C đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 5 đại lý cấp 2 trên địa bàn huyện Trực Ninh cụ thể:

1. Cửa hàng Gas Trường N do bà Hà Thị N sinh năm 1970 ở TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định làm chủ:

Quá trình kinh doanh bà Hà Thị N đã nhiều lần đặt tiền cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ theo giá mà cửa hàng HĐ niêm yết để giao dần cho chị N bán. Số

tiền đặt cọc thu từ chị N, C đã đem về giao cho bà H. Tính đến ngày 02/11/2020, còn 719 bình chị N đã đặt cọc tiền nhưng C chưa giao cho chị N.

- Lần 1: Ngày 02/11/2020, do đang cần tiền trả nợ nên C nảy sinh ý định lừa bà N đặt tiền cọc để mua Gas cho C nhằm chiếm đoạt. Mặc dù thời điểm này giá 1 bình gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 260.000đ/1 bình (không tính vỏ bình). Bản thân C cũng không có đầu mối để mua Gas ở cơ sở kinh doanh nào khác với giá 130.000 đồng/1 bình nhưng C nói dối chị N "Em có mối lấy gas rẻ, chị có lấy không" và báo giá 130.000đ/1 bình. Do tin lời C nói là thật, chị N đặt mua 300 bình hẹn lấy dần như mọi khi và đưa cho C 39.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/1/2021, thời điểm này giá 1 bình Gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 250.000đ/1 bình (không tính vỏ bình) nhưng C nói dối chị N: "Em có chỗ lấy gas 120.000đ/1 bình, chị có lấy thêm để em đặt". Chị N tin lời C nói là thật nên đồng ý đặt mua 1000 bình gas và đưa cho C 120.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 24/5/2021, thời điểm này giá 1 bình Gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 250.000đ/1 bình (không tính vỏ bình) nhưng C nói dối chị N: "Mối gas một trăm hai mươi nghìn một bình vẫn còn, chị lấy thêm không". Chị N tin lời C nói là thật nên đồng ý đặt mua 1000 bình và đưa cho C 120.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 13/6/2021, thời điểm này giá 1 bình Gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 280.000đ/1 bình (không tính vỏ bình) nhưng C tiếp tục nói dối chị N có mối lấy gas rẻ và báo giá 120.000đ/1 bình. Chị N tin lời C nói là thật nên đồng ý đặt mua 300 bình và đưa cho C 36.000.000 đồng. Khoảng 3 ngày sau do chị N cần tiền giải quyết việc cá nhân nên chị N yêu cầu C trả lại số tiền đặt cọc này. C đã trả lại cho chị N 36.000.000 đồng.

Toàn bộ việc giao dịch mua bán Gas với C, chị N đều ghi chép vào sổ sách của mình.

Tổng số chị N đã đặt mua của C 2.600 bình Gas Phúc Thái loại 12kg, (không tính vỏ bình) và đã đưa cho C tổng số tiền 315.000.000 đồng, C sử dụng vào mục đích cá nhân hết. C đã nhận Gas từ cửa hàng HĐ giao đủ cho chị N 719 bình Gas chị N đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó. Sau đó, khi chị N yêu cầu giao tiếp số Gas đã đặt tiền mua của C, C tự bỏ tiền mua Gas tại đại lý HĐ theo đúng giá đại lý HĐ niêm yết bán ra theo từng thời điểm đem giao cho chị N thành nhiều lần, tổng số 941 bình và đã hoàn trả cho chị N số tiền 36.000.000 đồng tương ứng với 300 bình nhận đặt cọc ngày 13/6/2021. Còn lại 1359 bình Gas C không giao cho chị N nữa.

Số tiền C chiếm đoạt của chị N là 1359 bình x 120.000 đồng/01 bình = 163.080.000 đồng.

2. Cửa hàng Gas Hải D do anh Chung Văn D sinh năm 1971 làm chủ ở Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định làm chủ:

Quá trình kinh doanh do ông Chung Văn D đã nhiều lần đặt tiền cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ theo giá mà cửa hàng HĐ niêm yết và giao dần cho ông

D bán. Số tiền đặt cọc thu từ ông D, C khai đã đem về giao cho bà H và giao Gas thành nhiều lần cho ông D bán theo số lượng ông D yêu cầu. Tính đến ngày 18/11/2020, còn 421 bình Gas ông D đã đưa tiền đặt cọc nhưng C chưa giao cho ông D.

- Lần 1: Ngày 18/11/2020, khi đến giao Gas cho ông D, do đang cần tiền trả nợ nên C nảy sinh ý định lừa ông D đặt tiền cọc để mua Gas cho C nhằm chiếm đoạt. Mặc dù thời điểm này giá 1 bình Gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 260.000đ/1 bình (không tính vỏ bình). Bản thân C cũng không có đầu mối để mua ở cơ sở kinh doanh gas nào khác với giá 170.000 đồng/1 bình nhưng C nói dối ông D: "Em có ít gas rẻ anh có lấy không em lấy cho", và báo giá 170.000đ/1 bình. Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đồng ý đặt mua 500 bình và đưa cho C số tiền 85.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 27/1/2021, thời điểm này giá 1 bình gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 250.000đ/1 bình (không tính vỏ bình) nhưng C nói dối ông D "Em có chỗ lấy gas giá một trăm sáu mươi nghìn một bình, anh có lấy không để em đặt thêm". Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đồng ý đặt 200 bình và đưa cho C 32.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 24/2/2021, thời điểm này giá 1 bình gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg là 310.000đ/1 bình (không tính vỏ bình) nhưng C nói dối ông D có mối lấy gas rẻ và báo giá 130.000đ/1 bình. Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đồng ý đặt mua 300 bình với giá 39.000.000 đồng. Ông D đưa cho C 21.000.000 đồng tiền mặt tại cửa hàng và chuyển 18.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng AGRIBANK số 3215205096640 của ông D đến số tài khoản 3200205401462 tại Ngân hàng AGRIBANK của anh Vũ Duy Thao sinh năm 1996 ở xóm Đông, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (là con trai của C). Anh Thao không biết đây là tiền do C phạm tội mà có và sau đó đã rút đưa cho C.

- Lần 4, lần 5, lần 6: Ngày 20/4/2021, ngày 02/5/2021, ngày 08/6/2021 các thời điểm này giá 1 bình gas mà cửa hàng HĐ niêm yết bán cho đại lý cấp 2, loại bình 12kg lần lượt là 270.000đ/1 bình, 250.000đ/1 bình và 280.000đ/ 1 bình nhưng C nói dối ông D có mối lấy gas rẻ và báo giá 130.000đ/1 bình. Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đồng ý đặt mua tổng 1.100 bình và đưa cho C tổng cộng 143.000.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 17/6/2021 với thủ đoạn tương tự C đến cửa hàng báo giá Gas 170.000 đồng/1 bình và hứa sẽ giao ngay số bình Gas này. Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đặt mua thêm 300 bình và đưa cho C 17.000.000 đồng tại cửa hàng và chuyển khoản cho C 34.000.000 đồng từ tài khoản số 195950784 của ông D mở tại Ngân hàng VPBANK đến tài khoản Ngân hàng 13001010558217 của anh Vũ Duy Thao mở tại Ngân Hàng TMCP Hàng Hải. Sau đó, anh Thao đã rút toàn bộ số tiền 34.000.000 đồng đưa cho C. Những ngày sau đó, C đã giao cho ông D 176 bình Gas trong số 300 bình đặt cọc này.

- Lần 8: Ngoài ra, ngày 02/5/2021, mặc dù bản thân C không có vỏ bình Gas Phúc Thái nhưng C nói dối ông D là có một số vỏ bình Gas tồn không sử dụng đến

và gợi ý bán cho ông D với giá 170.000đ/1 vỏ bình. Do tin tưởng lời C nói là thật, ông D đồng ý đặt mua 100 vỏ bình Gas và đưa cho C số tiền 17.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền C sử dụng chi tiêu cá nhân, không giao vỏ bình Gas cho ông D.

Toàn bộ việc giao dịch mua bán Gas, vỏ bình Gas với ông D, C đều ghi chép xác nhận vào sổ sách của ông D.

Tổng số ông D đã đặt mua của C 2.400 bình gas (không tính vỏ bình) và 100 vỏ bình Gas Phúc Thái loại 12kg, ông D đã đưa cho C tổng số tiền 328.000.000 đồng, C sử dụng chi tiêu cá nhân hết. C đã nhận Gas từ cửa hàng HĐ giao đủ cho ông D 421 bình mà ông D đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó. Sau đó, khi ông D yêu cầu giao tiếp số Gas đã đặt tiền mua của C, C tự bỏ tiền mua Gas tại đại lý HĐ theo đúng giá đại lý HĐ niêm yết bán ra theo từng thời điểm đem giao cho ông D thành nhiều lần, tổng số 1.335 bình. Còn lại 1065 bình gas và 100 vỏ bình C không giao cho ông D nữa.

Như vậy số tiền C chiếm đoạt của ông D là (941 bình x 130.000/1 bình) + (124 bình x 170.000/1 bình) + 17.000.000 đồng = 160.410.000 đồng.

3. Cửa hàng Gas L Từ ở TDP T, thị trấn C do bà Triệu Thị Tú L sinh năm 1963 làm chủ:

Quá trình giao dịch mua bán Gas với cửa hàng gas L Từ do bà Triệu Thị Tú L làm chủ. Bà L nhiều lần đặt tiền cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ theo giá cửa hàng HĐ niêm yết bán ra và giao dần cho bà L bán. Số tiền đặt cọc thu từ bà L, C khai đã đem nộp lại cho cửa hàng HĐ và giao thành nhiều lần cho bà L bán theo yêu cầu của bà L. Tính đến ngày 28/1/2021, còn 78 bình bà L đã đặt mua C chưa giao cho bà L.

Ngày 28/1/2021, khi đến cửa hàng giao Gas cho bà L, C nảy sinh ý định lừa bà L đặt cọc tiền mua Gas cho C nhằm chiếm đoạt. C nói dối bà L: "Đợt này Gas xuống chị có lấy thêm không", bà L hỏi "Bao nhiêu một bình", C nói "Một trăm năm mươi nghìn một bình". Thời điểm này giá Gas thực tế cửa hàng HĐ giao cho C bán ra cho các đại lý là 250.000 đồng/1 bình và bản thân C cũng không có đầu mối cơ sở kinh doanh nào khác nhập với giá 150.000 đồng/1 bình như thông tin C nói với bà L. Bà L nghĩ C nói thật đã đồng ý đặt tiền mua, C yêu cầu bà L đặt tiền trước. Do không đủ tiền mặt nên bà L muốn thanh toán theo phương thức chuyển khoản qua ngân hàng. C cung cấp số tài khoản của anh Vũ Duy Thao cho bà L để chuyển tiền cho C. Ngày 03/2/2021, bà L chuyển vào số tài khoản của anh Thao số tiền 30.000.000 đồng để đặt cọc cho C mua 200 bình Gas. Sau đó, anh Thao đã rút tiền đưa cho C. C đã sử dụng số tiền trên để chi tiêu cá nhân hết.

Toàn bộ việc giao dịch mua bán Gas với bà L, C đều ghi chép vào sổ sách của bà L.

C đã nhận Gas từ cửa hàng HĐ giao cho bà L 64 bình Gas trong số đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó, còn lại 14 bình. Ngoài ra quá trình giao Gas, bà L còn gửi C 07 vỏ bình Gas Petro bằng kim loại, loại bình 12kg, C đã làm thất lạc trong quá trình đi giao Gas cho các cửa hàng khác.

Như vậy số tiền C chiếm đoạt của chị L là 30.000.000 đồng.

4. Cửa hàng gas Yến L1 do ông Nguyễn Đình L1 sinh năm 1963 ở xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định làm chủ.

Quá trình giao dịch mua bán Gas với cửa hàng Yến L1 do ông Nguyễn Đình L1 làm chủ, ông L1 nhiều lần đặt tiền cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ theo giá cửa hàng HĐ niêm yết bán ra và giao dần cho ông L1 bán. Số tiền đặt cọc thu từ ông L1, C khai đã đem nộp lại cho cửa hàng HĐ và giao thành nhiều lần cho ông L1 bán theo số lượng ông L1 yêu cầu. Tính đến ngày 20/4/2021, còn 112 bình Gas ông L1 đã đặt mua nhưng C chưa giao cho ông L1.

- Lần 1: Ngày 20/4/2021, khi đến cửa hàng gặp ông L1 giao Gas như tH lệ. Do cần tiền chi tiêu, C có hỏi vay anh L1 số tiền 35.000.000 đồng nhưng anh L1 không cho vay. C nảy sinh lừa anh L1 đặt cọc tiền mua Gas cho C nhằm chiếm đoạt. C nói dối anh L1: "Anh cứ cho em mượn 35 triệu rồi sau em lấy Gas giá 125.000đồng/1 bình em chuyển cho anh". Thời điểm này giá Gas thực tế cửa hàng HĐ giao cho C bán cho các đại lý là 270.000 đồng/1 bình và bản thân C cũng không có đầu mối mua Gas ở cơ sở kinh doanh gas nào khác với giá 125.000 đồng/1 bình. Thấy ông L1 có vẻ nghi ngờ về nguồn gốc số Gas này C liền nói: "Nhà anh bán chậm, em có nguồn lấy rẻ nên chuyển cho anh". Ông L1 tin tưởng C nói thật nên đưa cho C số tiền 35.000.000 đồng (tương ứng với đặt cọc mua 280 bình). C nhận tiền sau đó ghi nội dung vay 35 triệu vào sổ sách của ông L1 (không thống kê dưới dạng đặt mua gas).

- Lần 2: Ngày 21/4/2021, thấy giá gas C báo rất thấp nên anh L1 gọi điện thoại cho C để hỏi đặt thêm Gas. Anh L1 hỏi C: "Giá gas một trăm hai năm nghìn còn không, cho anh đặt thêm". Do đang cần tiền nên C liền đồng ý, C trả lời "Còn anh ạ", anh L1 nói "Vậy cho anh đặt thêm 200 bình". Ngày 22/4/2021, C đến cửa hàng giao Gas theo yêu cầu của anh L1. Giao Gas xong, anh L1 đưa cho C thêm 25.000.000 đồng là tiền đặt cọc 200 bình gas đã trao đổi với C ngày 21/4/2021.

Toàn bộ việc giao dịch mua bán gas với anh L1, C đều ghi vào sổ sách của anh L1.

Tổng số anh L1 đã đặt mua của C 480 bình Gas loại 12kg/1 bình (không tính vỏ bình) và đưa cho C tổng số tiền 60.000.000 đồng, C đem tiêu xài và sử dụng vào mục đích cá nhân hết. C đã nhận Gas từ cửa hàng HĐ giao đủ cho anh L1 112 bình Gas anh L1 đã đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó. Sau đó, khi anh L1 yêu cầu giao tiếp số Gas đã đặt tiền mua của C, C tự bỏ tiền mua Gas tại đại lý HĐ theo đúng giá đại lý HĐ niêm yết bán ra theo từng thời điểm đem giao cho anh L1 thành nhiều lần, tổng số 70 bình. Còn lại 410 bình Gas C không giao cho ông L1 nữa.

Như vậy số tiền C chiếm đoạt của anh L1 là 410 bình x 125.000 đồng/1 bình = 51.250.000 đồng.

5. Cửa hàng Gas Dinh Nh do bà Nguyễn Thị Nh sinh năm 1961 ở xóm Ngặt Kéo, xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh làm chủ:

Quá trình giao dịch mua bán Gas với cửa hàng Dinh Nh do bà Nguyễn Thị Nh làm chủ. Bà Nh nhiều lần đặt tiền cho C để mua Gas của cửa hàng HĐ theo giá cửa hàng HĐ niêm yết bán ra để giao dần cho bà Nh. Số tiền đặt cọc thu từ bà Nh,

C khai đã đem nộp lại cho cửa hàng HĐ và giao thành nhiều lần cho bà Nh bán theo yêu cầu của bà Nh. Tính đến ngày 12/5/2021, còn 367 bình Gas bà Nh đã đặt mua C chưa giao cho bà Nh.

- Lần 1: Ngày 12/5/2021, khi đến giao Gas cho bà Nh, C nảy sinh ý định lừa bà Nh đặt tiền cọc mua vỏ bình Gas nhằm chiếm đoạt. C nói với bà Nh: "Sắp tới giá gas tăng lên đấy, giá vỏ bình cũng tăng theo, cô có mua thêm vỏ bình không", và báo giá 170.000đ/ 1 vỏ bình. Do tin tưởng lời C nói là thật, bà Nh đặt mua 50 vỏ bình gas Phúc Thái, loại 12kg và đưa cho C 9.000.000 đồng. C nhận tiền sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 2: Ngày 16/6/2021, C đến cửa hàng giao Gas theo yêu cầu của bà Nh. Trong lúc giao Gas, C nói dối bà Nh: "Sắp tới gas sẽ tăng lên đấy, cô có đặt thêm không" và báo giá 160.000đ/ 1 bình. Thời điểm này giá Gas thực tế cửa hàng HĐ giao cho C bán ra cho các đại lý là 280.000 đồng/1 bình. Do thời điểm này cửa hàng của bà Nh còn nhiều Gas nên bà Nh tỏ ra lưỡng lự thì C nói tiếp: "Sắp tới giá gas tăng đấy, cô cứ vay mượn, dồn tiền mà đặt". Bà Nh tin tưởng lời C nói là thật nên đặt mua 200 bình và đưa cho C 32.000.000 đồng. Số tiền trên C sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra quá trình giao Gas cho bà Nh, bà Nh có gửi C 27 vỏ bình Gas Petro bằng kim loại, loại bình 12kg, C đã làm thất lạc trong quá trình đi giao Gas cho các cửa hàng khác.

Toàn bộ việc giao dịch mua bán Gas với bà Nh, C đều ghi vào sổ sách của bà Nh.

C đã nhận Gas từ cửa hàng HĐ giao cho bà Nh 55 bình trong số 367 bình đã đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó, còn lại 312 bình và số Gas bà Nh đặt tiền cho C để mua với giá 160.000 đồng/1 bình và 50 vỏ bình, C không giao cho bà Nh.

Như vậy số tiền C chiếm đoạt của chị Nh là 41.000.000 đồng.

Đến ngày 26/6/2021 C không giao Gas cho các đại lý C đã nhận tiền đặt cọc trên và các đại lý cấp 2 thông báo với cửa hàng HĐ nên chị H đã cho C nghỉ việc để giải quyết. Sau đó, C đã bỏ đi khỏi địa phương, do không liên lạc được với C nên bà N, ông D, bà L, ông L1, bà Nh đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh đề nghị giải quyết.

Trong quá trình giao dịch mua bán Gas, bà Triệu Thị Tú L và bà Nguyễn Thị Nh có gửi C giữ hộ 34 vỏ bình Gas Petro, loại 12kg (trong đó bà L gửi 7 vỏ bình, bà Nh gửi 27 vỏ bình). Tuy nhiên trong quá trình đi giao Gas, C đã làm thất lạc không có ý thức chiếm đoạt. Do vậy không  xử lý về hình sự.

Đối với anh Vũ Duy Thao có hành vi nhận số tiền 52.000.000 đồng từ ông Chung Văn D và số tiền 30.000.000 đồng từ bà Triệu Thị Tú L chuyển vào tài khoản ngân hàng của mình. Sau đó, anh Thao rút tiền đưa cho C. Tuy nhiên anh Thao không được bàn bạc từ trước, không biết nguồn gốc số tiền trên là do C lừa đảo của ông D, bà L, nên không phạm tội.

Đối với ông Đặng Văn T được cửa hàng HĐ giao nhiệm vụ lái xe và bốc xếp Gas cho các cửa hàng cùng C. Ông T không tham gia vào việc thoả thuận mua bán,

giao dịch đồng thời không biết về việc C lừa đảo chiếm đoạt tiền của các chủ đại lý cấp 2 nên không phạm tội.

Việc C dùng thủ đoạn gian dối, bịa đặt ra thông tin bán Gas với giá ưu đãi, có nguồn nhập Gas giá rẻ và tự báo giá Gas rẻ hơn nhiều so với giá bán thực tế của cửa hàng HĐ đã niêm yết để các đại lý cấp 2 tin là thật đặt cọc tiền mua Gas đưa cho C, chị Phan Thị H không biết nên không phạm tội.

Về vấn đề thoả thuận đặt cọc tiền giữa các đại lý gas cấp 2 với C để mua Gas với giá thực tế do cửa hàng HĐ niêm yết bán ra. Theo C khai trước thời điểm thực hiện hành vi lừa đảo các đại lý cấp 2, C đã nhiều lần nhận tiền đặt cọc của các cửa hàng đại lý gas cấp 2 đem nộp về cho bà Phan Thị H là chủ cửa hàng gas HĐ. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận nội dung này.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Chung Văn D yêu cầu Bùi Thị C phải hoàn trả số tiền đặt mua Gas đã đưa cho C là 160.410.000 đồng (tương ứng với 941 bình đặt cọc mua với giá 130.000đ/1 bình và 124 bình đặt mua với giá 170.000đ/ 1 bình) và 17.000.000 đồng tiền mặt.

- Ông Nguyễn Đình L1 yêu cầu C phải hoàn trả số tiền 51.250.000 đồng (tương ứng với 410 bình đặt mua với giá 125.000đ/ 1 bình)

- Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu C phải hoàn trả tổng số tiền 41.000.000 đồng (gồm 32.000.000 đồng tương ứng đặt mua 200 bình Gas với giá 160.000đ/1 bình; 9.000.000 đồng đặt mua 50 vỏ bình Gas với giá 180.000đ/1 vỏ bình) và yêu cầu C phải trả 312 bình Gas đã đưa tiền đặt mua của C theo thỏa thuận dân sự trước đó, 27 vỏ bình Gas đã gửi C giữ hộ nhưng quá trình đi giao Gas C đã làm thất lạc chưa thu hồi được.

- Bà Hà Thị N không yêu cầu C phải hoàn trả số tiền 163.080.000 đồng, không yêu cầu C phải trả 1359 bình Gas mà bà N đã đưa tiền đặt cọc mua với giá 120.000đ/ 1 bình. Bà Triệu Thị Tú L không yêu cầu C phải hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu C phải trả 200 bình Gas mà bà L đã đưa tiền đặt cọc mua với giá 150.000đ/ 1 bình, không yêu cầu C phải trả 07 vỏ bình Gas đã gửi C giữ hộ nhưng quá trình đi giao Gas C đã làm thất lạc chưa thu hồi được. Đối với 14 bình Gas trong số 64 bình Gas bà L đã đặt mua của cửa hàng HĐ trước đó nhưng chưa giao cho bà L, bà L cũng không yêu cầu C, bà H phải trả nữa.

Quá trình điều tra Bùi Thị C xác định trách nhiệm khắc phục hoàn trả tổng số tiền 252.660.000 đồng đã nhận đặt cọc mua Gas cho ông D, ông L1, bà Nh; 27 vỏ bình gas cho bà Nh và cả số 312 bình Gas nhận đặt mua theo thỏa thuận dân sự cho bà Nh (theo C khai đã nộp tiền về của hàng HĐ). Tuy nhiên bản thân C hiện nay không có khả năng để bồi tH, khắc phục hậu quả và đề nghị được khắc phục sau.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1202 là phương tiện Bùi Thị C sử dụng để liên hệ lừa bán Gas cho anh L1. Quá trình điều tra, C khai đã làm mất chiếc điện thoại này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu giữ được để xử lý.

Tại cơ quan điều tra Bùi Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 50/CT-VKS-KSĐT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của VKSND huyện Trực Ninh đã truy tố bị cáo Bùi Thị C về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên và thừa nhận số tiền chiếm đoạt của ông D, ông L1, bà Nh tổng số tiền 252.660.000 đồng.

Ông D, ông L1, bà Nh đều đề nghị Toà án buộc bị cáo C (Cúc) phải trả số tiền đã chiếm đoạt.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Bùi Thị C từ 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của bản án số 03/2022/HS-ST ngày 11/01/2022. 03 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 3 Điều 584 BLDS. Buộc bị cáo phải trả cho ông Chung Văn D 160.410.000 đồng; Ông Nguyễn Đình L1 số tiền 51.250.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Nh số tiền 41.000.000 đồng. Tổng 252.660.000đồng.

Bà Hà Thị N; Bà Triệu Thị Tú L không yêu cầu C phải bồi thường các khoản tiền mà C đã chiếm đoạt, HĐXX không đề cập giải quyết.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình Điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo - HĐXX đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 11/2020 đến tháng 6/2021, lợi dụng công việc đi giao Gas cho cửa hàng HĐ địa chỉ tại số 103 T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định, Bùi Thị C đã liên hệ với các đại lý cấp 2 trên địa bàn huyện Trực Ninh dùng thủ đoạn gian dối, bịa đặt ra thông tin bán Gas với giá ưu đãi, có nguồn nhập Gas giá rẻ và tự báo giá Gas rẻ hơn nhiều so với

giá bán thực tế của cửa hàng HĐ đã niêm yết để các đại lý cấp 2 tin là thật đặt cọc trước tiền để chiếm đoạt tổng số tiền 445.740.000 đồng của bà Hà Thị N; ông Chung Văn D; bà Triệu Thị Tú L; ông Nguyễn Đình L1; bà Nguyễn Thị Nh đều trú tại Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

[3] Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS. Như bản Cáo trạng số 50/CT-VKS-KSĐT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được Bộ Luật hình sự công nhận và bảo vệ. Bị cáo là người đã đầy đủ trách hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi, vi phạm pháp luật của mình.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, xét nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho ông Chung Văn D 160.410.000 đồng; Ông Nguyễn Đình L1 số tiền 51.250.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Nh số tiền 41.000.000 đồng. Tổng 252.660.000 đồng.

Bà Hà Thị N; Bà Triệu Thị Tú L không yêu cầu C phải bồi thường các khoản tiền mà C đã chiếm đoạt, HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[10] Án phí dân sự: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên :*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị C (Cúc) phạm tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".***

1. Căn cứ khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị C (Cúc) 11 (mười một) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 03/2022/HS-ST ngày 11/01/2022. 03 năm 6 tháng tù về tội "Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam 12/9/2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 589; Điều 468 BLDS. Buộc bị cáo phải trả cho ông Chung Văn D 160.410.000 đồng; Ông Nguyễn Đình L1 số tiền 51.250.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Nh số tiền 41.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Bùi Thị C (Cúc) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự: Buộc C phải nộp 12.630.000 đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại dịa phương.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
- VKSND huyện Trực Ninh (2 bản);
- Công an huyện Trực Ninh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh (1 bản);
- UBND xã (1 bản);
- Lưu HSVA (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Mai Xuân Mạnh**